TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-PT
Ngày**:** 13-01-2020
"V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Lê Na**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Hồng Lam**

Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Trần Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:*** Bà **Trần Thị Ngoan -** Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2019/TLPT-HNGĐ về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 30/10/2019, Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 30/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Tiến Thị H**, sinh năm 1982;

Hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã Y S, huyện H Đ, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Xóm C C, xã D L, huyện H Đ, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình H1**, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Y S, huyện H Đ, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Về hôn nhân: Chị Tiến Thị H kết hôn với anh Nguyễn Đình H1 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y S, huyện H Đ, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau cả về tình cảm và kinh tế. Mặt khác, trong thời gian chung sống, anh H1 nghiện ma túy, chị H nhiều lần góp ý nhưng anh H1 không khắc phục. Anh H1 từng phải đi trại cai nghiện bắt buộc và bị Tòa án xét xử về tội tàng trữ ma túy và phải đi thi hành án. Việc anh H1 nghiện ma túy, phải đi cai nghiện và đi thi hành án đã gây ảnh hưởng lớn đến cuộc sống vợ chồng, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến nay, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh H1.

Tòa án nhân dân huyện H Đ đã thụ lý và giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H1 thừa nhận vợ chồng anh chị có mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt. Anh cũng thừa nhận có 01 lần phải đi trại cai nghiện ma túy và 01 bị Tòa án xét xử 18 tháng tù về tội tàng trữ ma túy. Tháng 8 năm 2019, anh Hùng chấp hành án xong và về địa phương sinh sống thì chị Hlàm đơn xin ly hôn. Nay anh nhận thức được lỗi lầm của mình, nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và có mong muốn được đoàn tụ với chị H để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Đức H2, sinh ngày 02/8/2015. Trước đây, khi anh H1 trong trại cải tạo, chị H và gia đình chồng cùng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Hiện nay, anh chị đã ly thân, cháu H2 sống cùng bố, cả hai anh chị vẫn thay nhau chăm sóc con. Nay ly hôn, cả chị H và anh H1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con.

Chị H hiện đang làm nhân viên điều dưỡng của Khoa Đông y – Bệnh viện đa khoa H Đ, thu nhập bình quân một tháng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Về chỗ ở, bố mẹ đẻ chị H tạo điều kiện cho chị và con sống chung cùng ông bà.

Anh H1 hiện nay đang làm thợ xây tự do, thu nhập một tháng khoảng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Hiện nay anh đang sống cùng bố mẹ đẻ.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 30/10/2019, Toà án nhân dân huyện H Đ quyết định: Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 1, Điều 28; Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147; 271 và Điều 273 của

Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tiến Thị H. Chị Tiến Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình H1.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Đình Đức H2, sinh ngày 02/8/2015 cho chị Tiến Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tiến Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Đình H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Đình H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tiến Thị H và anh Nguyễn Đình H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tiến Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0009196 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H Đ, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 13/11/2019, anh Nguyễn Đình H1 làm Đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 30/10/2019 của Toà án nhân dân huyện H Đ và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án. Anh không đồng ý ly hôn với chị Tiến Thị H. Đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Đình Đức H2 cho anh Nguyễn Đình H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Đình H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thời hạn xét xử và thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Hùng, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H Đ.

- Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh H1 không được chấp nhận nên

anh Hùng phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Đình H1 là hợp lệ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định.

[2] **Về nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Tiến Thị H kết hôn với anh Nguyễn Đình H1 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Sở, huyện H Đ, thành phố Hà Nội.

Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Trong thời gian chung sống, anh H1 có nghiện ma túy phải đi trại cai nghiện bắt buộc và từng bị Tòa án xét xử về tội tàng trữ ma túy và phải đi thi hành án. Đến nay, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1. Anh H1 cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án cho vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Bản thân anh H1 cho rằng vợ chồng vẫn còn tình cảm, vẫn nhận thức được những thiếu sót của bản thân trong đời sống vợ chồng, cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là mâu thuẫn nhỏ nhưng cho đến nay anh vẫn chưa có giải pháp để giải quyết những mâu thuẫn này. Hiện nay anh chị đã sống ly thân. Tại phiên tòa chị H cho rằng những mâu thuẫn trong thời gian chung sống không được giải quyết và khoảng thời gian vợ chồng xa cách do anh H1 đi cai nghiện và đi thi hành án nên tình cảm vợ chồng hiện nay không còn. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh H1.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định hôn nhân của chị Tiến Thị H và anh Nguyễn Đình H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hai bên không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng theo quy định của Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hòa và cho chị Hòa ly hôn anh H1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- *Về con chung:*

Chị Hòa và anh Hùng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Đức H2, sinh ngày 02/8/2015. Trước đây, khi anh H1 trong trại cải tạo, chị H và gia đình chồng cùng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Hiện nay anh chị đã ly thân và cháu H2 đang sống cùng anh H1. Nay ly hôn, cả chị H và anh H1 đều có nguyện

vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là nguyện vọng chính đáng của những người làm cha, mẹ.

Hiện nay, chị Hòa có công việc và thu nhập ổn định, là nhân viên điều dưỡng của Khoa Đông y – Bệnh viện đa khoa H Đ, thu nhập bình quân một tháng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Về chỗ ở, bố mẹ đẻ chị H tạo điều kiện cho chị và con sống chung cùng ông bà.

Anh H1 hiện nay mới thi hành án xong trở về địa phương, đang làm thợ xây tự do, thu nhập một tháng theo anh khai khoảng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Hiện nay anh đang sống cùng bố mẹ đẻ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu H2 hiện còn bé, trong thời gian anh H1 đi thi hành án chị H là người trực tiếp chăm sóc con. Hiện nay chị Hòa có công việc và thu nhập, có chỗ ở ổn định. Anh H1 hiện mới thi hành án xong, đang làm công việc tự do, bản thân là người có nhân thân xấu. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Nguyễn Đình Đức H2, cần giao cháu Huân cho chị Hòa trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Đình H1.

[3] Về án phí: Kháng cáo của anh Nguyễn Đình H1 không có cơ sở chấp nhận nên anh H1 phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Nhận định của Hội đồng xét xử phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Đình H1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 30/10/2019 của Toà án nhân dân huyện H Đ, thành phố Hà Nội.

Cụ thể:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tiến Thị H. Chị Tiến Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình H1.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Đình Đức H2, sinh ngày 02/8/2015 cho chị Tiến Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tiến Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Đình H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Đình H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tiến Thị H và anh Nguyễn Đình H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tiến Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0009196 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H Đ, thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Đình H1 phải chịu phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm với số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0009321 ngày 13/11/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H Đ, thành phố Hà Nội. Anh H1 đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND huyện H Đ;
- THADS huyện H Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Y S, H Đ;
- Lưu HS+ VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Lê Na